

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày 31 - 3 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thế Bằng.

- Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Văn T là hàng xóm quen biết nhau nên ngày 20-6-2015 âm lịch, bà có cho bà H, ông T vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), có làm biên nhận do bà H viết và ký tên ghi họ tên, thời hạn vay là từ ngày 20-6-2015 âm lịch đến tháng 4 năm 2016 âm lịch sẽ trả nợ,

hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Sau khi vay, bà H có trả lãi cho bà S đến năm 2016 thì ngưng trả lãi, bà S nhiều lần yêu cầu nhưng bà H, ông T vẫn không trả nợ gốc cho bà. Bà S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Văn T trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và trả lãi suất tạm tính là từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2021 với số tiền lãi là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai bổ sung ngày 01-3-2022 và biên bản hòa giải ngày 01-3-2022, bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà chỉ yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay gốc 30.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông Ngô Văn T liên đới với bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn nợ cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất tạm tính là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Bà S yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi.

**** Tại tờ tự khai đề ngày 17-02-2022 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào ngày 20-6-2015 âm lịch bà có vay của bà Nguyễn Thị Thu S số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), có làm biên nhận do bà viết và ký tên ghi họ tên vào biên nhận, thời hạn vay là từ ngày 20-6-2015 âm lịch đến tháng 4-2016 sẽ trả số tiền vay trên lại cho bà S, bà và bà S có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 1.500.000 đồng/tháng, bà đã đóng tiền lãi cho bà S được 04 năm nhưng hai bên không làm biên nhận tiền lãi. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà rất khó khăn nên bà không có khả năng trả tiền vay gốc và tiền lãi cho bà S nữa. Ngoài ra, việc vay tiền của bà là để trả cho các khoản nợ khác nên ông T cũng không biết. Nay bà S khởi kiện, bà đồng ý trả cho bà S số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà yêu cầu không trả lãi nữa nhưng hiện nay điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn nên bà xin được trả dần số tiền nợ trên theo phương thức là có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu hoặc Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật mà giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất với yêu cầu của bà S, bà H đồng ý trả số tiền vay gốc cho bà S là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà không tranh chấp về số tiền lãi đã trả và yêu cầu không trả lãi nữa

nhưng do điều kiện kinh tế của bà rất khó khăn nên không có khả năng trả số nợ trên cho bà S, bà yêu cầu được trả dần theo phương thức là khả năng bà có bao nhiêu tiền sẽ trả bấy nhiêu cho bà Sương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Từ thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án xác định ông Ngô Văn T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả tiền vay còn nợ nên ông Ngô Văn T không còn liên quan trong vụ án. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà S là quyền quyết định và tự định đoạt của bà, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Bà S khởi kiện yêu cầu bà H và ông T trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và trả lãi suất tạm tính là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Sương thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và rút lại phần yêu cầu nợ lãi. Theo đó, bà S chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà rút lại yêu cầu đối với bà H về việc trả số tiền lãi suất tạm tính là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), bà H không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà S. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà S là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Bà S yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chứng cứ bà S cung cấp là bản chính biên nhận ngày 20-6-2015 âm lịch.

Bà Hoa thống nhất thừa nhận còn nợ bà S số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và biên nhận ngày 20-6-2015 âm lịch là do bà tự viết, ký tên ghi họ tên; bà đồng ý trả số tiền vay trên cho bà S, nhưng xin được trả dần theo phương thức là khả năng của bà có bao nhiêu tiền sẽ trả bấy nhiêu, yêu cầu này của bà H không được bà S đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Bà S không yêu cầu tính, bà H trình bày đã trả lãi cho bà S với mức 1.500.000 đồng/tháng và đã trả được 4 năm, nhưng bà không tranh chấp về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S và bị đơn bà Nguyễn Thị H đã thống nhất được với nhau về số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nhưng chưa thống nhất được với nhau về phương thức và thời gian trả. Căn cứ biên nhận vay thì thời hạn trả nợ là tháng 4-2016 âm lịch sẽ trả, bà S nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà H vẫn không trả số nợ trên cho bà S, nay bà H cũng không đưa ra được phương thức và thời gian trả nợ cụ thể cho bà S; điều này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ngày 23-3-2022 bà H có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án với lý do bà là Người cao tuổi, có điều kiện kinh tế khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Tây xác nhận cho bà. Xét thấy, đề nghị này của bà H là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận, bà Hoa được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều: 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền lãi tạm tính là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 1.770.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002921 ngày 13-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà S, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi